

Số: 31./2014/QĐ-UBND

Bà Rịa, ngày 10 tháng 7 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Chương trình Khoa học và Công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp
nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa
tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2014-2020**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 119/1999/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ về một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 2341/2000/TTLT/BKHHCNMT-BTC ngày 28 tháng 11 năm 2000 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ) và Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 119/1999/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 1999 của Chính phủ về một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 25/2003/TTLT/BKHHCN-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2003 của Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ Tài chính về việc bổ sung một số quy định tại Thông tư liên tịch số 2341/2000/TTLT/BKHHCNMT-BTC ngày 28/11/2000 “Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 119/1999/NĐ-CP ngày 8/9/1999 của Chính phủ về một số chính sách và cơ chế tài chính khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ”;

Căn cứ Thông tư số 20/2010/TT-BKHHCN ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về tổ chức, quản lý và điều hành Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 130/2011/TTLT-BTC- BKHCN ngày 16 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học Công nghệ quy định chế độ quản lý tài chính đối với các nhiệm vụ thuộc Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 38./TTr-SKHHCN ngày 25 tháng 6 năm 2014 về việc ban hành Chương trình Khoa học và Công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2014-2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Chương trình Khoa học và Công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2014-2020. Chương trình gồm 3 Chương và 17 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 9 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình khoa học công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp giai đoạn 2011-2015 tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2012 phê duyệt Dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2012-2015”; Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2013 về việc sửa đổi, bổ sung đối tượng của “Dự án nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2012-2015” ban hành kèm theo Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh và Quyết định số 610/QĐ-UBND V/v điều chỉnh, bổ sung phạm vi, đối tượng của Dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giai đoạn 2012-2015” ban hành kèm theo Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 19/11/2012 và Quyết định số 1623/QĐ-UBND ngày 29/7/2013 của UBND tỉnh.

Các nội dung hỗ trợ doanh nghiệp đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành đang triển khai vẫn tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 35/2011/QĐ-UBND ngày 9 tháng 8 năm 2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Chương trình khoa học công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp giai đoạn 2011-2015 tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và Quyết định số 2541/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2012 phê duyệt Dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp vừa và nhỏ tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2012-2015”.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các thành viên UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các Đoàn thể tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo, Website tỉnh;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, TH./.

MM T3



Hồ Văn Niên

CHƯƠNG TRÌNH

Khoa học và Công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu giai đoạn 2014-2020
(Ban hành kèm theo Quyết định số 31./2014/QĐ-UBND ngày 10 tháng 7 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu của Chương trình

1. Mục tiêu chung

a) Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa trên cơ sở áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất và chất lượng; ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ.

b) Tạo bước chuyển biến rõ rệt về năng suất và chất lượng các sản phẩm, hàng hóa, trong đó chú trọng các sản phẩm hàng hóa chủ lực của tỉnh, tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đẩy mạnh các hoạt động thông tin, tuyên truyền và đào tạo, tập huấn nhằm nâng cao nhận thức và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan, đơn vị và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh trong việc ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, nâng cao năng suất và chất lượng.

b) Hướng dẫn và hỗ trợ kinh phí cho 60 lượt doanh nghiệp để tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ và các vấn đề liên quan đến ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng.

c) Hướng dẫn và hỗ trợ kinh phí cho 200 lượt doanh nghiệp thực hiện xây dựng và áp dụng các hệ thống quản lý, thực hiện sản xuất có chứng nhận và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm, các công cụ cải tiến năng suất chất lượng; hướng dẫn và hỗ trợ 100 sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp thực hiện chứng nhận hợp chuẩn, chứng nhận hợp quy; hướng dẫn và hỗ trợ 20 sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp xây dựng tiêu chuẩn cơ sở; hỗ trợ và tôn vinh 30 lượt doanh nghiệp đạt giải thưởng Chất lượng Quốc gia.

d) Hướng dẫn và hỗ trợ kinh phí cho 20 cơ sở lưu trú của ngành du lịch được cấp nhãn Bông sen xanh; nâng cao chất lượng phục vụ khách du lịch của các doanh nghiệp thông qua việc nâng cấp Chương trình “những địa chỉ tin cậy của du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu”.

đ) Hướng dẫn và hỗ trợ cho 50 lượt doanh nghiệp phát triển tài sản trí tuệ, 50 lượt doanh nghiệp thực hiện ứng dụng, đổi mới công nghệ, thiết bị, tiết kiệm năng lượng, sản xuất sạch hơn, xử lý giảm thiểu ô nhiễm, ứng dụng công nghệ thông tin.

e) Hướng dẫn và hỗ trợ cho 50 doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh xây dựng và thực hiện chương trình cải tiến năng suất chất lượng.

Điều 2. Điều kiện được hỗ trợ

1. Điều kiện chung

- a) Hoạt động đúng ngành nghề đã đăng ký kinh doanh.
- b) Có giấy phép hành nghề (nếu thuộc diện sản xuất, kinh doanh có điều kiện). Nếu là Tổ hợp tác thì phải được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.
- c) Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế đối với nhà nước theo quy định.
- d) Có đủ nguồn lực (nhân lực, kinh phí...) đảm bảo thực hiện các nội dung đăng ký tham gia.
- đ) Đối với lĩnh vực công nghệ: Công nghệ được đổi mới không thuộc danh mục công nghệ hạn chế hoặc cấm chuyển giao theo pháp luật chuyển giao công nghệ và quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
- e) Không hỗ trợ những nội dung thuộc đề án đã và đang được hỗ trợ bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước khác và các nguồn tài trợ khác. Không hỗ trợ các doanh nghiệp đã thực hiện hoàn thành nội dung hỗ trợ trước thời điểm có đơn đăng ký.

2. Điều kiện ưu tiên

- a) Các doanh nghiệp sản xuất sản phẩm, hàng hóa thuộc danh mục sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh (Kèm theo phụ lục số 1 - danh mục các sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh).
- b) Các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa xuất khẩu, doanh nghiệp khoa học và công nghệ.
- c) Các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hợp tác xã và trang trại.

Điều 3. Hồ sơ đăng ký tham gia và phương thức hỗ trợ

1. Hồ sơ đăng ký tham gia

- a) Đơn đăng ký tham gia (theo mẫu);
- b) Giấy phép kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư;
- c) Thuyết minh đề án.
 - Đối với nội dung đăng ký hỗ trợ nhãn hiệu hàng hóa: thay thế thuyết minh đề án bằng mẫu nhãn hiệu hàng hóa cùng danh mục các nhóm hàng hóa, dịch vụ xin bảo hộ gắn liền với nhãn hiệu hàng hóa.
 - Đối với các nội dung đăng ký hỗ trợ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp: thay thế thuyết minh đề án bằng bản mô tả tóm tắt.
 - Đối với nội dung tham gia Giải thưởng Chất lượng Quốc gia: không xây dựng thuyết minh đề án.

2. Phương thức hỗ trợ

- a) Doanh nghiệp nhận kinh phí hỗ trợ một lần sau khi được cơ quan chức năng nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đạt yêu cầu.
- b) Đối với doanh nghiệp tham gia nhiều nội dung của Chương trình thì việc nghiệm thu và nhận kinh phí hỗ trợ được thực hiện theo từng nội dung hoàn thành của doanh nghiệp.
- c) Đối với doanh nghiệp tham gia nội dung “xây dựng, áp dụng và duy trì các hệ thống quản lý tiên tiến và các công cụ cải tiến năng suất chất lượng; hỗ trợ đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn hóa và hỗ trợ tôn vinh các doanh nghiệp đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia và nhãn Bông sen xanh”: Doanh nghiệp nhận kinh phí hỗ trợ sau khi hoàn

thành công tác đào tạo, được giấy chứng nhận hệ thống quản lý, giấy chứng nhận sản xuất có chứng nhận và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm, quyết định đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, giấy chứng nhận đạt nhãn Bông sen xanh.

d) Đối với doanh nghiệp tham gia nội dung “đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ trong nước”: Hỗ trợ sau khi có thông báo chấp nhận đơn hợp lệ (đối với nhãn hiệu hàng hóa) hoặc được cấp văn bằng bảo hộ (đối với sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp) của các cơ quan quản lý Nhà nước về Sở hữu trí tuệ của Việt Nam.

đ) Đối với doanh nghiệp tham gia nội dung “đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ ngoài nước”: Hỗ trợ sau khi được cấp văn bằng bảo hộ của cơ quan quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ nước ngoài.

e) Đối với doanh nghiệp tham gia nội dung “xử lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường”: Ngoài quy định trên còn phải được xác nhận xử lý đạt quy chuẩn môi trường cho phép của cơ quan quản lý môi trường.

Chương II

CÁC NỘI DUNG CỦA CHƯƠNG TRÌNH

Điều 4. Thông tin tuyên truyền và đào tạo, tập huấn

1. Tổ chức các hoạt động thông tin, tuyên truyền, phổ biến về Chương trình, các văn bản có liên quan đến ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng cho các Sở, ban ngành và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn, hội nghị, hội thảo về các hệ thống quản lý, mô hình, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, phát triển tài sản trí tuệ, sản xuất sạch hơn, xử lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường, ứng dụng, đổi mới công nghệ, thiết bị, tiết kiệm năng lượng, năng suất xanh, du lịch xanh và các vấn đề khác liên quan đến ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, nâng cao năng suất chất lượng cho các Sở, Ban, Ngành và các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

3. Tổ chức đào tạo cho các cán bộ, công chức, viên chức các Sở, Ban, Ngành để hình thành đội ngũ, chuyên gia, cán bộ tư vấn về năng suất chất lượng trong tình đủ năng lực tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, các công cụ cải tiến năng suất chất lượng.

Điều 5. Hỗ trợ xây dựng, áp dụng và duy trì các hệ thống quản lý và các công cụ cải tiến năng suất chất lượng; hỗ trợ đẩy mạnh công tác tiêu chuẩn hóa và hỗ trợ tôn vinh các doanh nghiệp đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia

1. Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể

a) Hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ liên quan đến nâng cao năng suất chất lượng, hướng dẫn áp dụng các hệ thống quản lý, các công cụ cải tiến năng suất chất lượng : tối đa 50 triệu đồng/đề án/doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ kinh phí tư vấn, đánh giá chứng nhận các hệ thống quản lý: ISO 9001, SA 8000: tối đa 50 triệu đồng/hệ thống/doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ kinh phí tư vấn, đánh giá chứng nhận các hệ thống quản lý: ISO 14001, ISO 50001, ISO 26000, OHSAS 18000, ISO/IEC 17025, ISO/IEC 17020, ISO/IEC 27001, ISO 22000, FSSC 22000, HACCP, BRC và các hệ thống quản lý khác: tối đa 100 triệu đồng/hệ thống/doanh nghiệp.

d) Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp sản xuất có chứng nhận và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm: tối đa 100 triệu đồng/chứng nhận/doanh nghiệp.

d) Hỗ trợ kinh phí đánh giá chứng nhận lại (tái chứng nhận), giám sát các hệ thống quản lý: tối đa bằng 30% mức hỗ trợ kinh phí tư vấn, đánh giá chứng nhận các hệ thống quản lý tương ứng.

e) Hỗ trợ kinh phí tư vấn, đánh giá chứng nhận các công cụ cải tiến năng suất chất lượng: 5S, Kaizen, TPM, TQM, KPI, BSC và các công cụ cải tiến năng suất chất lượng khác: tối đa 30 triệu đồng/công cụ/doanh nghiệp.

g) Hỗ trợ kinh phí xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho sản phẩm, hàng hóa: tối đa 10 triệu đồng/tiêu chuẩn/doanh nghiệp.

h) Hỗ trợ kinh phí chứng nhận sản phẩm hàng hóa phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật: tối đa 30 triệu đồng/sản phẩm/doanh nghiệp.

i) Hỗ trợ kinh phí cho các doanh nghiệp đạt Giải thưởng Chất lượng Quốc gia, Giải thưởng Châu Á-Thái Bình Dương, mức hỗ trợ áp dụng như sau:

- Doanh nghiệp đạt Giải thưởng Châu Á-Thái Bình Dương: 100 triệu đồng/lần/doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp đạt Giải vàng Chất lượng Quốc gia: 50 triệu đồng/lần/doanh nghiệp.

- Doanh nghiệp đạt Giải bạc Chất lượng Quốc gia: 30 triệu đồng/lần/doanh nghiệp.

2. Đối tượng hỗ trợ

Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật Việt Nam, đang hoạt động theo đúng ngành nghề đã đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, gồm: doanh nghiệp nhà nước, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký pháp nhân tại Việt Nam, hợp tác xã, trang trại.

Điều 6. Hỗ trợ lập hồ sơ cấp nhãn Bông sen xanh và lô gô Chương trình “Những địa chỉ tin cậy của du lịch tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu”

1. Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể

a) Hỗ trợ kinh phí đăng ký và lập hồ sơ cấp nhãn Bông sen xanh cho các doanh nghiệp: tối đa 10 triệu đồng/doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ kinh phí cấp logo cho đơn vị đạt Chương trình “những địa chỉ tin cậy của du lịch tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu”: tối đa 2 triệu đồng/lần/doanh nghiệp.

2. Đối tượng hỗ trợ

Các cơ sở có hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch và thương mại đóng trên địa bàn tỉnh, gồm: Cơ sở kinh doanh dịch vụ lưu trú du lịch, nhà hàng, cửa hàng ăn uống và các cơ sở kinh doanh dịch vụ khác có liên quan (vui chơi, giải trí, văn hoá, thể thao, vận chuyển, mua sắm, dịch vụ chăm sóc sức khỏe, cửa hàng mỹ nghệ,...) phục vụ cho khách du lịch.

Điều 7. Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ

1. Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể

a) Hỗ trợ kinh phí tư vấn, đăng ký lần đầu trong nước đối với nhãn hiệu hàng hóa: tối đa 10 triệu đồng/nhãn hiệu/doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ kinh phí tư vấn, đăng ký lần đầu ở nước ngoài đối với nhãn hiệu hàng hóa: tối đa 30 triệu đồng/nhãn hiệu/doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ kinh phí tư vấn, đăng ký lần đầu trong nước đối với đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp: tối đa 30 triệu đồng/lần/doanh nghiệp.

d) Hỗ trợ kinh phí tư vấn, đăng ký lần đầu ở nước ngoài đối với đăng ký bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp: tối đa 50 triệu đồng/lần/doanh nghiệp.

2. Đối tượng hỗ trợ

Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật Việt Nam, đang hoạt động theo đúng ngành nghề đã đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, gồm: doanh nghiệp nhà nước, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký pháp nhân tại Việt Nam, hợp tác xã, tổ hợp tác, trang trại, hộ sản xuất, kinh doanh cá thể.

Điều 8. Hỗ trợ sản xuất sạch hơn, xử lý giảm thiểu ô nhiễm môi trường

1. Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể

Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp thực hiện khảo sát quy trình sản xuất, đánh giá hiện trạng; xác định các nguyên nhân gây thải và lãng phí; xây dựng quy trình sản xuất sạch hơn; thiết kế công trình giảm thiểu ô nhiễm môi trường; phân tích mẫu; tổ chức hội thảo, tập huấn, đào tạo chuyên gia công nghệ và các kiến thức liên quan; vận hành chạy thử: tối đa 500 triệu đồng/đề án.

2. Đối tượng hỗ trợ

Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật Việt Nam, đang hoạt động theo đúng ngành nghề đã đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, gồm: doanh nghiệp nhà nước, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký pháp nhân tại Việt Nam, hợp tác xã, trang trại.

Điều 9. Hỗ trợ ứng dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo và tiết kiệm năng lượng

1. Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể

Hỗ trợ kinh phí cho doanh nghiệp thực hiện khảo sát, đánh giá hiện trạng; tư vấn thiết kế hệ thống; đào tạo, tập huấn vận hành; vận hành chạy thử: tối đa 300 triệu đồng/đề án.

2. Đối tượng hỗ trợ

Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật Việt Nam, đang hoạt động theo đúng ngành nghề đã đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, gồm: doanh nghiệp nhà nước, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký pháp nhân tại Việt Nam, hợp tác xã, trang trại.

Điều 10. Hỗ trợ đổi mới công nghệ, thiết bị

1. Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể

a) Nội dung hỗ trợ

Hỗ trợ kinh phí tư vấn lựa chọn công nghệ; mua sáng chế, bản quyền công nghệ; mua giống để áp dụng thử nghiệm lần đầu đối với các giống cây, con có năng suất, chất

lượng cao; đào tạo, tập huấn, hướng dẫn vận hành công nghệ được chuyển giao; phân tích mẫu, đánh giá sự hoàn thiện của công nghệ được đổi mới; kiểm định để đưa sản phẩm được đổi mới công nghệ vào sử dụng; chi khác phục vụ trực tiếp cho hoạt động tiếp nhận công nghệ được đổi mới.

b) Mức hỗ trợ

- Trường hợp thực hiện nghiên cứu triển khai (tự nghiên cứu đổi mới): tối đa 500 triệu đồng/dề án.

- Trường hợp tiếp nhận chuyển giao công nghệ (mua công nghệ để thực hiện đổi mới): tối đa 300 triệu đồng/dề án.

2. Đối tượng hỗ trợ

Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật Việt Nam, đang hoạt động theo đúng ngành nghề đã đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, gồm: doanh nghiệp nhà nước, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký pháp nhân tại Việt Nam, hợp tác xã, trang trại.

Điều 11. Hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin

1. Nội dung và mức hỗ trợ cụ thể

a) Hỗ trợ kinh phí xây dựng website: 50% tổng giá trị hợp đồng và không quá 20 triệu đồng/website.

b) Hỗ trợ kinh phí tư vấn thiết kế; đào tạo, tập huấn; xây dựng; chuyển giao áp dụng các phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu chất lượng sản phẩm, hàng hóa: 50% tổng giá trị hợp đồng và không quá 150 triệu/phần mềm/doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ kinh phí xây dựng hệ thống an toàn, an ninh thông tin: 50% tổng giá trị hợp đồng và không quá 50 triệu đồng/doanh nghiệp.

2. Đối tượng hỗ trợ

Các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật Việt Nam, đang hoạt động theo đúng ngành nghề đã đăng ký kinh doanh trên địa bàn tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, gồm: doanh nghiệp nhà nước, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký pháp nhân tại Việt Nam, hợp tác xã, trang trại.

Điều 12. Hỗ trợ toàn diện để xây dựng và triển khai dự án nâng cao năng suất và chất lượng đối với các doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm, hàng hóa chủ lực của tỉnh

Mức kinh phí hỗ trợ các nội dung có thể cao hơn mức quy định tại điều 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 của Chương trình này và do Hội đồng tư vấn thẩm định xét duyệt thông qua, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cụ thể.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Thông tin, tuyên truyền và đào tạo, tập huấn

Đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, quảng bá tới các cấp, các ngành và doanh nghiệp bằng các hình thức đa dạng, phong phú như tổ chức các lớp đào tạo, tập huấn,

hội nghị, hội thảo, phóng sự, tọa đàm,... đăng tin, bài trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 14. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện Chương trình từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm và từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ tỉnh, trong đó kinh phí tổ chức họp hội đồng tư vấn thẩm định xét duyệt, kiểm tra, nghiệm thu do Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì thực hiện được áp dụng theo mức chi theo Quyết định số 45/2008/QĐ-UBND tỉnh ngày 31/7/2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc ban hành định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí các đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, các mức chi khác thực hiện theo Thông tư liên tịch số 130/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 16/9/2011 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ quản lý tài chính đối với các nhiệm vụ thuộc Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020” và các quy định tài chính hiện hành. Trong quá trình thực hiện, Sở Khoa học và Công nghệ có thể thuê tổ chức, chuyên gia phối hợp khảo sát, thẩm định, kiểm tra và nghiệm thu các nội dung thuộc đề án của doanh nghiệp (nếu cần thiết).

Điều 15. Tổ chức và điều hành

1. Thành lập Ban điều hành

- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh là Trưởng ban.
- Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ là Phó trưởng Ban thường trực.
- Lãnh đạo các Sở, Ban, Ngành có liên quan là thành viên.
- Ban điều hành Chương trình có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện và điều phối toàn bộ các hoạt động của Chương trình.

2. Thành lập Tổ chuyên viên giúp việc Ban điều hành

- Gồm các thành viên là chuyên viên các Sở, Ban, Ngành có liên quan.
- Tổ chuyên viên giúp việc Ban điều hành có trách nhiệm tham mưu cho Ban điều hành tổ chức thực hiện và triển khai Chương trình.

Điều 16. Phân công trách nhiệm

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan quản lý Chương trình; tham mưu giúp Ban điều hành thực hiện các nội dung của Chương trình; lập kế hoạch và dự toán kinh phí hoạt động hàng năm cho các hoạt động của Chương trình tổng hợp vào kế hoạch của Sở Khoa học và Công nghệ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Xây dựng Quy chế làm việc của Ban điều hành trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

c) Phối hợp với các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh, các Sở, Ban, Ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức đại diện của doanh nghiệp để công bố, thông tin tuyên truyền, phổ biến Chương trình và các vấn đề liên quan đến nội dung, quá trình thực hiện Chương trình.

d) Thành lập Hội đồng tư vấn thẩm định xét duyệt và nghiệm thu đề án hỗ trợ của các doanh nghiệp.

đ) Tổ chức kiểm tra và định kỳ hàng năm tổng hợp tình hình và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá kết quả và hiệu quả thực hiện.

e) Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng là cơ quan thường trực giúp việc Sở Khoa học và Công nghệ triển khai thực hiện Chương trình.

2. Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch

a) Chủ trì triển khai thực hiện nội dung hỗ trợ lập hồ sơ cấp nhãn Bông sen xanh và lô gô chương trình “Những địa chỉ tin cậy của du lịch tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu” quy định tại Điều 6, Chương II của Chương trình này.

b) Tổ chức thông tin tuyên truyền, phổ biến và triển khai Chương trình tới các doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động trên địa bàn tỉnh thuộc ngành quản lý.

c) Cử cán bộ tham gia Hội đồng thẩm định và nghiệm thu đề án hỗ trợ của doanh nghiệp.

3. Sở Tài chính

a) Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng cơ chế hỗ trợ và cơ chế quản lý tài chính của Chương trình.

b) Thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ dự toán kinh phí cho Chương trình từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm.

c) Cử cán bộ tham gia Hội đồng thẩm định và nghiệm thu đề án hỗ trợ của doanh nghiệp.

4. Các Sở, Ban, Ngành liên quan

a) Tổ chức thông tin tuyên truyền, phổ biến và triển khai Chương trình tới các doanh nghiệp và các cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động trên địa bàn tỉnh thuộc ngành quản lý.

b) Cung cấp thông tin về nhu cầu hỗ trợ của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực quản lý cho Ban điều hành xem xét và giải quyết.

c) Cử cán bộ tham gia Hội đồng thẩm định và nghiệm thu đề án hỗ trợ của doanh nghiệp thuộc ngành quản lý.

5. Các cơ quan thông tin đại chúng

Báo Bà Rịa – Vũng Tàu, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh tổ chức thông tin tuyên truyền về Chương trình.

6. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Hướng dẫn và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, gắn kết các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương với Chương trình Khoa học và Công nghệ hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của tỉnh.

7. Liên minh các Hợp tác xã, Chi nhánh Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam tại Vũng Tàu (VCCI Vũng Tàu), các Liên hiệp hội, Hiệp hội, Hội và các tổ chức đại diện cho doanh nghiệp

a) Tổ chức thông tin tuyên truyền, phổ biến và triển khai Chương trình tới các doanh nghiệp, hợp tác xã và các cơ sở sản xuất kinh doanh đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

b) Cử cán bộ tham gia Hội đồng thẩm định và nghiệm thu đề án hỗ trợ của doanh nghiệp (nếu có).

8. Doanh nghiệp tham gia Chương trình

Tích cực tham gia Chương trình; thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký theo thuyết minh đề án hỗ trợ; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu về tình hình, tiến

độ, kết quả thực hiện, những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan chức năng có liên quan của tỉnh.

Điều 17. Tổ chức thực hiện

1. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với Sở Tài chính và các Sở, Ban, Ngành chức năng có liên quan hướng dẫn các thủ tục xét hồ trợ và thanh, quyết toán.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc hoặc những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi Chương trình, các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các doanh nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Hồ Văn Niên

Phụ lục

**DANH MỤC SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ CHỦ LỰC
CỦA TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

(Ban hành kèm theo Quyết định số .../2014/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm
2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

Stt	Nhóm ngành	Tên sản phẩm, hàng hoá
1	Công nghiệp hỗ trợ	Cơ khí - chế tạo, điện – điện tử, tự động hóa, sản xuất vật liệu xây dựng, nhóm sản phẩm nhựa và cao su và các sản phẩm khác thuộc ngành công nghiệp hỗ trợ.
3	Thủy sản	Sản phẩm khô, sản phẩm ăn liền, sản phẩm mực, tôm, cá, nhuyễn thể hai mảnh vỏ, cua, ghẹ đông lạnh, đồ hộp thủy sản, surimi và các sản phẩm chế biến từ surimi, các mặt hàng chế biến xuất khẩu tinh chế có giá trị cao.
3	Du lịch – Dịch vụ	Sản phẩm du lịch, dịch vụ du lịch, dịch vụ Logistics.
4	Nông sản	Ca cao, cà phê, hạt điều, yến sào, hồ tiêu, cao su, bắp, mỳ, các sản phẩm chế biến từ lúa gạo, các loại rau, củ, quả, sản phẩm thịt, trứng, gia súc, gia cầm.
5	Thủ công mỹ nghệ, tiểu thủ công nghiệp	Đúc đồng, -rượu, bún, bánh tráng, đan, may mặc, gỗ mỹ nghệ, các loại bún, bánh đặc sản của địa phương (như bánh Xèo, bánh Trung thu, bánh Tét bắp, bánh Khọt, bánh Hôi...) và các sản phẩm thủ công mỹ nghệ khác.